

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu

Ông Trịnh Bá Sơn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Kim Phụng – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Ông Vũ Văn Nam – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1997; Giới tính: Nam; ĐKTT: **Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; con ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1975 và bà **Nhữ Thị P**, sinh năm 1975; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; chưa có vợ con; Tiền án: Bản án số 03/2017/HSST ngày 10/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xử phạt **Nguyễn Thành T** 09 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 121 BLHS năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2017. Bản án số 03/2018/HS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt **Nguyễn Thành T** 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 BLHS, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2021; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/8/2014, **Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên** xử phạt hành chính 1.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Ngày 31/8/2016, **Công an huyện P** xử phạt hành chính 3.500.000 đồng về hành vi “Hủy hoại tài sản”. Ngày 10/8/2023, Tòa án nhân dân Quận 11 thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 96/2023/QĐ-TA- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày tạm giữ để đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là ngày

14/5/2023. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/01/2024. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành T theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự: Bà Phan Thị Tuyết N- Luật sư Văn phòng luật sư Trung tâm - Đoàn luật sư tỉnh N.

- Bị hại:

1. Anh Nguyễn Tiến X, sinh năm 1984

Địa chỉ: 1 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Có mặt

2. Anh Bùi Văn K, sinh năm 1991

Địa chỉ: Đường T, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Có mặt

3. Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1982

Địa chỉ: G N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Vắng mặt

4. Anh Lê Công T1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ C, xã T, quận L, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

5. Anh Hoàng Văn S, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt

6. Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

7. Chị Nguyễn Thị Hồng H1, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số nhà B, ngõ H, đường B, khối H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

8. Anh Đào Văn L, sinh năm 1992

Địa chỉ: T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm H, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

2. Chị Dương Bùi Ngọc L1, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm N, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 2003; địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

2. Chị Nông Bích X1, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

3. Anh Dương Phú P1, sinh năm 2001; địa chỉ: Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt

4. Chị **Bùi Thanh H2**, sinh năm 2000; địa chỉ: **Số nhà G, Khu phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh**. Vắng mặt
5. Anh **Nguyễn Sơn D**, sinh năm 2004; địa chỉ: **Khu A thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ**. Vắng mặt
6. Anh **Nguyễn Văn H3**, sinh năm 1989; địa chỉ: **Thôn N, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**. Vắng mặt
7. Chị **Trần Thị Thu H4**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên**. Vắng mặt
8. Anh **Dương Hữu K1**, sinh năm 1995; địa chỉ: **Xóm Đ, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đầu năm 2022, **Nguyễn Thành T** xuất cảnh sang nước Campuchia và làm việc cho nhiều công ty khác nhau. Từ tháng 8/2022 đến ngày 22/9/2022, **T** làm việc cho một công ty có chủ là người Trung Quốc. Công ty này hoạt động bằng việc sử dụng mạng viễn thông, mạng máy tính để lừa người khác tham gia nạp tiền vào các hoạt động chứng khoán không có thật để chiếm đoạt tiền của nhà đầu tư. Công ty này có khoảng 100 nhân viên chia làm 20 tổ làm việc theo nhóm từ 4-5 người. Nhóm của **T** làm việc, gồm có: **T**, 03 người là người Việt Nam khác không rõ nhân thân lai lịch và 01 người Trung Quốc làm tổ trưởng. Công ty nơi **T** làm việc tự tạo lập và phát triển một ứng dụng có tên **Fast T2**, giao diện của ứng dụng này được tạo ra giống như giao diện của các sàn chứng khoán uy tín, có thật và hợp pháp trên thị trường. Các mã cổ phiếu cũng giống các mã cổ phiếu tương ứng của các công ty có thật. Tuy nhiên toàn bộ thông tin về số lượng tiền trong tài khoản chứng khoán, thông tin các giao dịch mua bán cổ phiếu thể hiện trên ứng dụng này đều là giả, các số liệu đều là do công ty tự cài đặt hiển thị trên giao diện của ứng dụng, để nạn nhân tin tưởng, chứ không có các giao dịch thật trên thị trường.

Công ty này cũng thành lập các nhóm ứng dụng mạng xã hội Zalo, mời các nạn nhân vào, xây dựng kịch bản, phân công người lập tài khoản mạng xã hội **Z** mang tên “Trần Công” là thầy dạy chứng khoán và các tài khoản mạng xã hội **Z** là các trợ lý của thầy **C1** ... ; mục đích để lừa cho nạn nhân tin, lôi kéo họ tham gia đầu tư chứng khoán qua ứng dụng Fast Trading. Khi tham gia vào nhóm Zalo nêu trên, đối tượng sử dụng tài khoản Zalo tên “Trần Công” xưng là thầy dạy chứng khoán và các tài khoản Zalo xưng là trợ lý của thầy “Trần Công” trong đó có tài khoản tên “**N2**” liên lạc hướng dẫn đầu tư chứng khoán. Hàng ngày tài khoản Zalo “Trần Công” sẽ phân tích thị trường tài chính, khuyến nghị các mã cổ phiếu tăng trưởng gửi vào trong nhóm học đầu tư chứng khoán. Do có một số dự đoán chính xác về tình hình thị trường chứng khoán cũng như khuyến nghị các mã cổ phiếu có giá trị tăng trưởng tốt nên đã tạo được lòng tin với các nhà đầu tư. Tài khoản **Z** “**Trần C2**” cho biết bản thân có được các dự đoán chính

xác là do đầu tư theo các quỹ đầu tư uy tín như: “Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam” và “Quỹ đầu tư GoldmanSachs”; đây là các quỹ được bảo lãnh bởi các ngân hàng lớn, được hỗ trợ các công cụ ưu tiên từ Ủy ban C5, có khả năng dự báo biến động của các mã chứng khoán, nếu tham gia đầu tư vào các quỹ này sẽ được quyền lợi mua cổ phiếu phát hành lần đầu với giá ưu đãi, do quỹ sẽ được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam vào tháng 11/2022; quỹ cũng đưa ra giấy phép kinh doanh và cam kết nếu không đạt lợi nhuận 600% thì các nhà đầu tư không phải trả bất kỳ khoản phí nào. Để đầu tư vào các quỹ nêu trên, các tài khoản Zalo xưng là thầy dạy chứng khoán và các tài khoản Zalo xưng là trợ lý đã hướng dẫn nhà đầu tư cài đặt ứng dụng Fast Trading trên điện thoại di động qua đường link <http://1fastworld.com>

Công việc hàng ngày của T là gọi điện đến các số điện thoại theo danh sách mà công ty cung cấp, xưng là nhân viên của công ty C6, mời người dân tham gia vào nhóm Z dạy đầu tư chứng khoán của tài khoản Zalo thầy “Trần Công”. Khi có người tham gia vào nhóm, thì nhiệm vụ của T là sử dụng các tài khoản Zalo, T3 đóng vai trợ lý của thầy “Trần Công”, hàng ngày gửi các thông tin liên quan đến thị trường chứng khoán, gửi đường link tham gia lớp học chứng khoán trực tuyến, hướng dẫn nhà đầu tư mua bán chứng khoán, nạp, rút tiền trên ứng dụng Fast Trading. Từ khi làm việc cho công ty, T đã mời được khoảng 30 người vào nhóm học đầu tư chứng khoán. T được công ty trả công mỗi tháng 800 đô la Mỹ.

T mua tài khoản Z mang tên “Trần Công” của Mai Hồ L2 (sinh năm 2000, trú tại: Bông L, K, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). T và L2 quen biết nhau trong thời gian cùng nhau thụ lý án tù giam tại Trại giam N3 thuộc huyện T, tỉnh Bắc Giang. Tài khoản Z mang tên “Trần Công” cả nhóm của T sử dụng. Trung trực tiếp sử dụng tài khoản Zalo tên “N2” để liên lạc với các nhà đầu tư, thời gian đầu tài khoản này đặt hình đại diện là một người phụ nữ mặc áo màu cam, đến tháng 02/2023 T đã thay đổi hình đại diện của tài khoản Zalo “Ngọc” này thành người phụ nữ khác mặc áo có in hình con gấu màu xanh lá cây. T cũng trực tiếp tạo lập tài khoản Telegram có username là “ngocxinh689”.

Bản thân T biết việc thực hiện nhiệm vụ dụ dỗ, lôi kéo nhà đầu tư chuyển tiền vào các tài khoản mà công ty cung cấp nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền này. T biết công ty có thể tự điều chỉnh số dư có trong tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trên ứng dụng Fast Trading và quyết định có cho nhà đầu tư rút tiền ra hay không. Khi khách hàng nạp số tiền nhỏ thì công ty có thể cho khách hàng rút tiền lãi và một phần tiền gốc để tạo lòng tin, sau đó tùy theo tiềm năng của mỗi khách hàng có thể nạp tiền vào đầu tư tiếp hay không thì T sẽ lôi kéo, dụ dỗ nhà đầu tư nạp với số tiền lớn hơn đến khi khách hàng không đủ tiền để nạp nữa, cuối cùng công ty sẽ tạo ra các lỗi hệ thống để không cho nhà đầu tư rút tiền và chiếm đoạt số tiền đã nạp của nhà đầu tư. Sau ngày 22/9/2022, T về Việt Nam, không còn chịu sự quản lý của công ty nữa nhưng vẫn tiếp tục sử

dụng tài khoản Z “N2” để dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

T và các đồng phạm đã yêu cầu các bị hại chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng sau: tài khoản M2 số 4491999999 mang tên Công ty TNHH T8, V số 1030958221 mang tên Công ty TNHH T8; S1 số 0921070235 mang tên Phạm Văn Đ, V1 số 0913667176 và T9 số 19038815795014 cùng mang tên Nguyễn Sơn D, V1 số 259846366 mang tên Lê Minh T4, V1 số 6393979222 mang tên Nguyễn Tuấn C3, H6 số 304704070003553 mang tên Nguyễn Tiến T5, V2 số 1015521608 mang tên Nguyễn Văn C, V1 số 193686868 mang tên Nguyễn Thành T, T9 số 19030205670011 mang tên Dương Phú P1.

Tài khoản V2 số 1015521608, là tài khoản ngân hàng của anh Nguyễn Văn C (sinh ngày 10/6/1998, trú tại: Xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên). T và anh C quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook, anh C làm cộng tác viên mở tài khoản ngân hàng cho một số ngân hàng và làm một số dịch vụ ngân hàng. T đã từng nhờ anh C mở tài khoản ngân hàng cho T. Từ ngày 21/9/2022 đến ngày 12/10/2022, T sử dụng tài khoản Facebook tên “TrunG Nguyễn” liên lạc đến tài khoản Facebook “Nguyễn Văn C” của anh C qua ứng dụng Messenger, nhờ anh C sử dụng tài khoản ngân hàng V2 số 1015521608 nhận tiền từ các tài khoản ngân hàng khác chuyển đến sau đó chuyển đến các tài khoản khác theo yêu cầu, T sẽ trả công cho những lần chuyển nhận tiền từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Khi T nhờ thì không nói cho anh C biết là tiền do đâu mà có, chỉ nhờ nhận và chuyển đi theo yêu cầu của T. Sau khi nhận được tiền anh C tiếp tục chuyển đến 02 tài khoản ngân hàng khác theo yêu cầu của T, gồm: Chuyển đến tài khoản ngân hàng V1 số 1936868688 mang tên Nguyễn Thành T 11 lần tổng số tiền 159.500.000 đồng và chuyển đến tài khoản ngân hàng B2 mang tên Nông Bích X1 8 lần tổng số tiền 148.498.000 đồng. Tổng số tiền anh C đã nhận để chuyển hộ Trung là 327.000.000 đồng và đã được trả công tổng số tiền là 18.000.000 đồng.

Tài khoản ngân hàng B2 số 3981000118208 là của chị Nông Bích X1 (sinh ngày 22/11/1992, trú tại: Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn). Chị X1 và T quen biết nhau từ khoảng năm 2013, hai người có mối quan hệ chị em thân thiết, chị X1 sử dụng tài khoản Facebook tên “Đồ Quế C4” và thường xuyên liên lạc qua ứng dụng Messenger với T. T nhờ chị X1 nhận tiền hộ từ tài khoản Nguyễn Văn C chuyển đến, T không nói cho chị X1 biết số tiền chuyển đến là do đâu mà có, chỉ nhờ nhận hộ và chuyển tiếp đến tài khoản ngân hàng V1 số 1936868688 mang tên Nguyễn Thành T và chuyển tiếp đến một số tài khoản ngân hàng khác theo yêu cầu của T, quá trình nhận chuyển tiền hộ thì T không trả công cho chị Nông Bích X1.

Sau khi nhận được tiền chuyển vào tài khoản thì T sử dụng một phần số tiền chiếm đoạt từ các nhà đầu tư để trả nợ, một phần sử dụng để tiêu xài cá nhân và một phần sử dụng để chơi trò chơi bắn cá, nổ hũ,...trên các trang web như: play.wo88.vip, m.nohu62.com, t5.yespay.bet, m.33win7.com,... Từ tháng 7/2022 đến tháng 5/2023 (thời điểm T đi cai nghiện bắt buộc), T thực hiện tổng

số 648 lần nạp tiền vào tài khoản game trên các cổng game với tổng số tiền hơn 356.000.000 đồng, lần nạp tiền thấp nhất là 100.000 đồng lần nạp tiền cao nhất là 2.000.000 đồng.

Tài khoản **ngân hàng T9** số 19030205670011 là tài khoản ngân hàng của **Dương Phú P1** (sinh ngày 27/5/2001, trú tại: **Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**). Khoảng tháng 11/2022, **T** đã mua tài khoản ngân hàng này cùng sim điện thoại số 0355.887.182 liên kết với tài khoản ngân hàng từ đối tượng chưa rõ nhân thân, lai lịch qua ứng dụng Telegram. Trung trực tiếp sử dụng tài khoản ngân hàng này để nhận tiền từ các bị hại.

* Phòng đăng ký kinh doanh thuộc **Sở K2** trả lời thông tin về **Công ty TNHH T8** xác định: **Công ty TNHH T8** đăng ký lần đầu ngày 25/8/2022, có người đại diện theo pháp luật, chức danh Giám đốc là ông **Nguyễn Văn H3**, sinh năm 1989, trú tại: **A Phố C, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**. Công ty đăng ký ngành nghề hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Tiến hành xác minh nhân thân đối với **H3**, xác định đối tượng **Nguyễn Văn H3** không có mặt tại địa phương, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú.

* **Ủy ban C7** (UBCKNN) có công văn số 1217/UBCK-TT ngày 28/02/2024 trả lời trong phạm vi quản lý, giám sát, UBCKNN không cấp phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép nào liên quan tới văn phòng đại diện, **phòng G**, chi nhánh hoặc **công ty C6**, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, **công ty C6** có tên **Công ty TNHH T8**.

* **Cục Q Bộ C8** có Công văn số 351/A08-P3 ngày 03/01/2024 trả lời: Trường hợp **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 12/9/1997, nơi thường trú: **Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**, CCCD: 019097003028, xuất cảnh ngày 18/01/2022 qua **Cửa khẩu M3, Tây Ninh**. Sau đó đương sự nhập cảnh về nước qua **cửa khẩu H7, Kiên Giang** ngày 23/9/2022.

* Kết quả điều tra xác định trong khoảng thời gian từ ngày 08/9/2022 đến ngày 22/12/2022, **T** cùng với các đồng phạm đã có hành vi dụ dỗ, lôi kéo 08 người bị hại tham gia vào đầu tư chứng khoán giả mạo để chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 1.948.841.298 đồng, cụ thể:

1. Trong thời gian từ ngày 8/9/2022 đến ngày 22/12/2022, anh **Nguyễn Tiến X** (sinh năm 1984, trú tại: **Số A, đường G, phường T, thành phố N**) được nhiều số điện thoại gọi điện và nhắn tin giới thiệu là nhân viên của “Liên minh tạo lập thị trường” mời anh **X** tham gia vào các buổi chỉ sẻ kiến thức đầu tư chứng khoán online vào 20 giờ hàng ngày của tài khoản Zalo tên là “**Trần C2**”. Sau đó anh **X** được tài khoản **Z** tên là “**N2**” xưng là trợ lý của tài khoản Zalo “**Trần Công**”, giới thiệu đầu tư vào “**Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam**” và “**Quỹ đầu tư GoldmanSachs**” đồng thời hướng dẫn cài đặt phần mềm Fast Trading FT qua đường link <http://1fastworl>, cung cấp cho anh **X** 01 tài khoản và mật khẩu để tiến hành giao dịch mua bán chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading. Anh **X** đã sử dụng tài khoản **ngân hàng T10** số 03039859601 mang tên

Nguyễn Tiến X nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading như sau:

+ Ngày 6/9/2022 và ngày 7/9/2022, chuyển tiền 07 lần với tổng số tiền 182.531.000 đồng vào tài khoản **ngân hàng M2** số 4491999999 mang tên **CT TNHH Tư vấn Đ1**;

+ Ngày 8/9/2022, chuyển 02 lần tổng với số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản **ngân hàng S1** số 0921070235 mang tên **Phạm Văn Đ**;

+ Từ ngày 09/9/2022 đến ngày 16/9/2022, chuyển 10 lần tổng số tiền 412.041.000 đồng vào tài khoản **ngân hàng V2** số 1030958221 mang tên **Công ty TNHH T8**;

+ Ngày 23/9/2022, chuyển 01 lần số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản **ngân hàng V2** số 1015521608 mang tên **Nguyễn Văn C**.

+ Ngày 22/12/2022, chuyển 01 lần số tiền 1.500.000 đồng đến tài khoản **ngân hàng T9** số 19039205670011 mang tên **Dương Phú P1**.

Sau khi nạp tiền để đầu tư chứng khoán trên **app F** FT giả, thì những lần đầu tư đầu tiên liên tục báo có lãi, anh **X** đã thực hiện việc rút tiền về tài khoản cá nhân thì các đối tượng đã cho rút nhiều lần với tổng số tiền là 138.780.000 đồng. Sau khi rút được tiền, các đối tượng môi giới tiếp tục lôi kéo anh **X** đầu tư. Khi số tiền đầu tư lên đến hơn 500 triệu, anh **X** thực hiện việc rút tiền thì đều không rút được tiền. Anh **X** nhắn tin trao đổi với tài khoản zalo có tên là “**N2**” để hỗ trợ việc thực hiện giao dịch rút tiền, thì bị chặn không liên lạc được, đồng thời nhóm liên minh tạo lập thị trường không còn hoạt động. Tổng số tiền mà anh **Xuân n** để đầu tư chứng khoán trên **app F** FT là 656.072.000 đồng. Số tiền anh **X** bị chiếm đoạt là 517.292.000 đồng.

2. Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9/2022, anh **Bùi Văn K** (sinh năm 1991, trú tại: **Đường T, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên**) được nhiều số điện thoại gọi điện và nhắn tin giới thiệu là nhân viên của “Liên minh tạo lập thị trường” mời anh **K** tham gia vào các buổi chỉ sẻ kiến thức đầu tư chứng khoán online vào 20 giờ hàng ngày của tài khoản Zalo tên là “**Trần C2**”. Sau đó anh **K** được tài khoản **Z** tên là “**N2**” tự xưng là trợ lý của tài khoản Zalo “**Trần Công**”, hướng dẫn cài đặt phần mềm Fast Trading FT qua đường link <http://1fastworl>, cung cấp cho anh **K** 01 tài khoản và mật khẩu, hướng dẫn anh **K** chuyển tiền để giao dịch mua bán chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading. Anh **K** sử dụng tài khoản **ngân hàng V2** số 0591000239562 mang tên **Bùi Văn K** đã nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading như sau:

+ Ngày 07/9/2022, chuyển số tiền 40.000.000 đồng đến tài khoản **ngân hàng V1** số 6393979222 mang tên **Nguyễn Tuấn C3**;

+ Ngày 08/9/2022, chuyển số tiền 60.000.000 đồng đến tài khoản **ngân hàng H6** số 304704070003553 mang tên **Nguyễn Tiến T5**;

+ Ngày 12/9/2022, chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến số tài khoản 1030958221 mang tên công ty TNHH T8;

+ Các ngày 29/9/2022, 10/10/2022, 12/10/2022 chuyển tổng số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V2 số 1015521608 mang tên Nguyễn Văn C;

+ Ngày 24/12/2022, chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T9 số 19030205670011 mang tên Dương Phú P1;

+ Ngày 11/01/2023, chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V1 số 193686868 mang tên Nguyễn Thành T;

Sau khi đầu tư anh K không rút được tiền lãi và tiền đầu tư trên tài khoản chứng khoán. T và các đối tượng đồng phạm đã chiếm đoạt của anh K tổng số tiền là 179.000.000 đồng.

3. Ngày 21/8/2022, chị Nguyễn Thị Thúy H (sinh năm 1982, trú tại: G N, phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), nhận được tin nhắn từ Zalo mời tham gia nhóm “Liên Minh Đầu Tư” để tham gia vào các buổi chia sẻ kiến thức về chứng khoán Online vào 20 giờ hàng ngày của tài khoản Zalo thầy “Trần Công”, trong các buổi livestream thường không xuất hiện mặt thầy chỉ có giọng nói và các slide trình chiếu qua Powerpoint. Trong thời gian này chị H liên tục được các trợ lý của “Trần Công” hỏi han, đưa ra các gợi ý và yêu cầu cài đặt phần mềm qua đường link <http://1fastworl> Nhóm trợ lý cung cấp tài khoản và mật khẩu để tiến hành các giao dịch trên app chứng khoán Fast T2. Từ ngày 08/9/2022 đến ngày 21/9/2022, chị H sử dụng tài khoản ngân hàng V2 số 0081000511186 mang tên Nguyễn Thị Thúy H đã nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading, cụ thể như sau:

+ Ngày 08/9/2022, chị H chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng H6 số 304704070003553 mang tên Nguyễn Tiến T5 số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 09/9/2022 chị H chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng V1 số 6393979222 mang tên Nguyễn Tuấn C3 số tiền 18.000.000 đồng.

+ Từ ngày 12/9/2022 đến ngày 19/9/2022 chị H chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng V2 số 1030958221 mang tên CT TNHH cổ vấn đầu tư Fast Trading tổng số tiền 535.000.000 đồng, cụ thể: ngày 12/9/2022: 50.000.000 đồng; ngày 13/9/2022: 100.000.000 đồng; ngày 14/9/2022: 200.000.000 đồng; ngày 16/9/2022: 115.000.000 đồng và 45.000.000 đồng; ngày 19/9/2022: 25.000.000 đồng.

+ Từ ngày 12/9/2022 đến ngày 20/9/2022 chị H chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng S1 số 0921070235 mang tên Phạm Văn Đ tổng số tiền 120.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 12/9/2022: 60.000.000 đồng; ngày 20/9/2022: 34.000.000 đồng và 26.000.000 đồng.

+ Ngày 21/9/2022 chị **H** chuyển tiền đến tài khoản **ngân hàng V2** số 1015521608 mang tên **Nguyễn Văn C** số tiền 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị **H** đã chuyển vào để đầu tư chứng khoán qua ứng dụng Fast Trading là 803.000.000 đồng. Trong quá trình tham gia sàn **F** ban đầu khi thấy báo có lãi chị **H** thực hiện việc rút tiền, thì đã rút được từ ứng dụng Fast Trading về tài khoản ngân hàng số tiền là 86.362.470 đồng. Đến ngày 19/9/2022 chị **H** phát hiện thấy nhóm **Liên M1** đầu tư dừng hoạt động, chị **H** thực hiện việc rút tiền ứng dụng Fast Trading về tài khoản ngân hàng nhưng đều báo lỗi không thực hiện được, chị **H** đã liên hệ với nhóm trợ lý thì được yêu cầu nộp thêm tiền để xác minh tài khoản, sau khi nộp tiền trên thì chị **H** liên hệ với các tài khoản zalo trong nhóm trợ lý để thực hiện việc rút tiền nhưng đều không liên lạc được. Sau đó chị **H** đã thực hiện việc bán toàn bộ cổ phiếu trên Fast Trading nhưng đều không bán được. Số tiền chị **H** bị chiếm đoạt là: 716.637.530 đồng.

4. Khoảng cuối tháng 8/2022, anh **Lê Công T1** (sinh năm 1982, trú tại: **Tổ C, xã T, quận L, thành phố Hà Nội**), nhận được điện thoại mời gọi tham gia lớp học đào tạo miễn phí cho người mới tham gia đầu tư chứng khoán. Anh **T1** đồng ý thì tài khoản Zalo tên “trợ lý ánh **N2**” đã kết bạn sau đó thêm vào nhóm zalo “D103 Liên Minh Đầu Tư”, trong nhóm có khoảng 130 thành viên, giáo viên có tài khoản Zalo “Trần Công” và các tài khoản Zalo trợ lý. Anh **T1** được yêu cầu cài đặt ứng dụng Fast Trading tạo lập tài khoản để tham gia đầu tư chứng khoán. Trong khoảng thời gian từ ngày 07/9/2022 đến ngày 21/9/2022, anh **Lê Công T1** đã chuyển 08 lần để đầu tư trên ứng dụng Fast Trading cụ thể như sau:

+ Ngày 07/9/2022, 09/9/2022, anh **T1** sử dụng tài khoản **M2** số 0989835625 mang tên **Lê Công T1** chuyển đến tài khoản **ngân hàng V1** số 6393979222 mang tên **Nguyễn Tuấn C3** tổng số tiền 60.000.000 đồng chia làm 02 lần chuyển, mỗi lần chuyển 30.000.000 đồng.

+ Ngày 12/9/2022, anh **T1** sử dụng tài khoản **M2** số 0989835625 mang tên **Lê Công T1** chuyển đến tài khoản **ngân hàng S1** số 0921070235 mang tên **Phạm Văn Đ** số tiền 30.000.000 đồng.

+ Ngày 14/9/2022, anh **T1** sử dụng tài khoản **ngân hàng V2** số 0491001655505 mang tên **Đặng Thu H5** (tài khoản của vợ anh **T1**) chuyển tiền đến tài khoản **ngân hàng V2** số 1030958221 mang tên CT TNHH cổ vấn đầu tư Fast Trading số tiền 60.000.000 đồng.

+ Ngày 14/9/2022, anh **T1** sử dụng tài khoản **M2** số 0989835625 mang tên **Lê Công T1** chuyển đến tài khoản **ngân hàng V2** số 1030958221 mang tên CT TNHH Cổ vấn đầu tư Fast Trading số tiền 10.000.000 đồng.

+ Ngày 20/9/2022, anh **T1** sử dụng tài khoản **M2** số 0989835625 mang tên **Lê Công T1** chuyển tiền đến tài khoản **ngân hàng A2** số 28353767 mang tên CT TNHH Cổ vấn đầu tư **F** 02 lần tổng số tiền 150.000.000 đồng.

+ Ngày 21/9/2022, anh T1 sử dụng tài khoản ngân hàng S2 mang tên Đặng Thu H5 (tài khoản của vợ anh T1) chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng V2 số 1015521608 mang tên Nguyễn Văn C số tiền 90.000.000 đồng.

Ngày 16/9/2022, anh T1 rút được số tiền 88.232 đồng (Tám mươi tám nghìn hai trăm ba mươi hai đồng) về tài khoản ngân hàng M2 của mình từ tài khoản ngân hàng T9 số 19038815795014 mang tên Nguyễn Sơn D chuyển đến. Sau đó anh T1 tiếp tục thực hiện lệnh rút tiền về tài khoản thì liên tục bị báo lỗi hệ thống. Anh T1 đã liên hệ với trợ lý của nhóm thì được yêu cầu nộp thêm số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản để xác minh tài khoản sau đó mới rút được tiền. Do nghi ngờ bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh T1 không thực hiện việc nạp thêm tiền vào tài khoản, anh T1 thực hiện giao dịch bán cổ phiếu trên Fast T nhưng không bán được, đồng thời cũng không rút được số tiền đã đầu tư. Tổng số tiền anh T1 đã chuyển để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading là 400.000.000 đồng. Số tiền anh T1 bị chiếm đoạt là 399.911.768 đồng.

5. Khoảng tháng 9/2022, anh Nguyễn Ngọc A (sinh năm 1987, trú tại: TDP N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa), được một số đối tượng mời tham gia lớp học chứng khoán do tài khoản Zalo “Trần Công” dạy, sau đó anh Ngọc A đã đăng ký mở tài khoản do công TNHH cổ vắn đầu tư Fast Trading. Được nhóm đối tượng trợ lý hướng dẫn tạo tài khoản cách thức nạp, rút tiền đầu tư chứng khoán trên app F. Từ ngày 07/9/2022 đến ngày 06/10/2022, anh Nguyễn Ngọc A đã sử dụng tài khoản ngân hàng M2 số 6661236868999 mang tên Nguyễn Ngọc A chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading như sau:

+ Ngày 07/9/2022, chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản Nguyễn Tuấn C3, sau đó đã rút ra được số tiền 10.000.000 đồng do tài khoản ngân hàng mang tên Lê Minh T4 chuyển lại.

+ Ngày 12/9/2022, 13/9/2022 chuyển tổng số tiền 50.000.000 đồng chia làm 02 lần số tiền lần lượt là 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng số 1030958221 mang tên công ty TNHH T8;

+ Ngày 28/9/2022, 29/9/2022, 06/10/2022 chuyển tổng số tiền 70.000.000 đồng chia làm 04 lần số tiền lần lượt là 30.000.000 đồng, 20.000.000 đồng, 15.000.000 đồng, 5.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng V2 số 1015521608 mang tên Nguyễn Văn C.

Tổng số tiền mà anh Ngọc A đã chuyển để đầu tư chứng khoán là 130.000.000 đồng. Anh Ngọc A đã rút được 10.000.000 đồng, khi anh A tiếp tục rút tiền về tài khoản ngân hàng thì không rút được và tài khoản giao dịch trên sàn chứng khoán bị khóa, không thực hiện được các giao dịch. Số tiền anh A bị chiếm đoạt là 120.000.000 đồng.

6. Khoảng tháng 9/2022, anh Hoàng Văn S (sinh năm 1997, trú tại: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc), được một số đối tượng mời chào vào lớp chuyên gia chứng khoán, được một tài khoản Zalo có tên là trợ lý N2, gửi đường link yêu cầu tải về máy, hướng dẫn tạo lập tài khoản và cách rút

tiền. Yêu cầu anh **S** chuyển tiền vào tài khoản mang tên **Nguyễn Văn C** để tham gia đầu tư chứng khoán. Ngày 26/9/2022, anh **Hoàng Văn S** sử dụng tài khoản ngân hàng **V3** số 108002071406 chuyển 02 lần mỗi lần 5.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng **V2** số 101552608 mang tên **Nguyễn Văn C** để đầu tư chứng khoán trên ứng dụng Fast Trading. Tổng số tiền anh **S** đã chuyển để đầu tư chứng khoán bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng.

7. Tháng 9/2022, chị **Nguyễn Thị Hồng H1** (sinh năm 1993, trú tại: **Số nhà B ngõ H đường B, thuộc khối H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**) tải và cài đặt app để mua chứng khoán qua mạng. Ngày 26/9/2022, chị **H1** sử dụng tài khoản ngân hàng **V3** số 104006148039 chuyển số tiền 5.000.000 đồng đến ngân hàng **V2** số 1015521608 mang tên **Nguyễn Văn C** để đầu tư chứng khoán và đã bị chiếm đoạt số tiền trên.

8. Tháng 9/2022, anh **Đào Văn L** (sinh năm 1992, nơi thường trú: **KV T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ**) được một số đối tượng giới thiệu đầu tư chứng khoán trên mạng, yêu cầu anh tải app và hướng dẫn cách nạp tiền, rút tiền đầu tư chứng khoán. Ngày 21/9/2022, anh **Đào Văn L** sử dụng tài khoản ngân hàng **V2** số 1019953695 mang tên **Đào Văn L3** chuyển số tiền 17.000.000 đồng đến số tài khoản **V2** số 1015521608 mang tên **Nguyễn Văn C** để đầu tư chứng khoán qua mạng. Anh **L3** đã rút được số tiền 16.000.000 đồng. Số tiền mà anh **L3** đã nạp bị chiếm đoạt là 1.000.000 đồng.

* Các tình tiết khác:

- Sau khi chiếm đoạt tiền từ các bị hại, **Nguyễn Thành T** khai đã sử dụng một phần tiền để tham gia chơi cá cược qua mạng hình thức bắn cá, nổ hũ,..... Hành vi nêu trên của **Nguyễn Thành T** có dấu hiệu của tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, số tiền Trung nạp từng lần đều dưới 5.000.000 đồng, đồng thời không thu giữ được lịch sử tham gia cá cược của **T** nên không xác định được lượng tiền **T** tham gia cá cược; do đó không có căn cứ xử lý đối với hành vi nêu trên của **T**;

- Đối với **Dương Phú P1** (sinh ngày 27/5/2001, trú tại: **Xóm N, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**) là người mở tài khoản ngân hàng **T9** số 19030205670011, sau đó bán lại cho **Nguyễn Văn N1** (sinh năm 2003, trú tại: **Xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**). Hành vi của **Dương Phú P1** và **Nguyễn Văn N1** đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị định 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. Tuy nhiên hành vi của **P1** và **N1** đã kết thúc vào ngày 05/11/2022, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật xử phạt vi phạm hành chính 2012, do vậy không có biện pháp xử lý đối với **P1** và **N1**.

- Đối với chị **Nông Bích X1**, anh **Nguyễn Văn C** là những người được nhờ nhận tiền chiếm đoạt được từ các bị hại, sau đó chuyển tiền đến các tài khoản ngân hàng do **T** cung cấp. Bản thân chị **X1**, anh **C** không biết số tiền này do **T** chiếm đoạt của người khác mà có, do đó không có căn cứ xác định chị **X1**, anh **C** đồng phạm với **T** về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương

tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 290 Bộ luật Hình sự.

- Kết quả điều tra xác định còn có các đối tượng cùng với **T** thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gồm: Lãng Lãng (người Trung Quốc, làm chủ công ty), **Liu B** (người Trung Quốc, tổ trưởng), **Kim A1** (quê ở Hà Nội), **L4** (sinh năm 1997, ở **TP.**), **Tiểu B1** (sinh năm 2004). Các đối tượng đều chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến các đối tượng này để tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

- Đối với các đối tượng **Mai Hồ L2** (sinh năm 2000, trú tại: **Bông L, K, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn**) là người cho **Nguyễn Thanh T6** thuê tài khoản **Z** để tạo tài khoản Zalo tên “Trần Công” và **Dương Hữu K1** (sinh năm 1995, trú tại: **Xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**) là người thuê **Nguyễn Văn N1** (sinh năm 2003, trú tại: **Xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên**) thu thập tài khoản ngân hàng **T9** số 19030205670011 của **Dương Phú P1**. Cơ quan điều tra, đã tiến hành xác minh **L2** và **K1**, hiện **L2** và **K1** không có mặt tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Cơ quan điều tra tách phần tài liệu liên quan đến hai đối tượng nêu trên để tiếp tục xác minh, giải quyết.

- Đối với các tài khoản ngân hàng có giao dịch chuyển nhận tiền với các tài khoản: **M2** số 4491999999 mang tên **Công ty TNHH T8**, **V** số 1030958221 mang tên **Công ty TNHH T8**; **S1** số 0921070235 mang tên **Phạm Văn Đ**, **V1** số 0913667176 và **T9** số 19038815795014 cùng mang tên **Nguyễn Sơn D**, **V1** số 259846366 mang tên **Lê Minh T4**, **V1** số 6393979222 mang tên **Nguyễn Tuấn C3**, **H6** số 304704070003553 mang tên **Nguyễn Tiến T5**, **V2** số 1015521608 mang tên **Nguyễn Văn C**, **V1** số 193686868 mang tên **Nguyễn Thành T**, **T9** số 19030205670011 mang tên **Dương Phú P1**, **BIDV** số **B2** đứng tên chủ tài khoản **Nông Bích X1**. Cơ quan điều tra tách phần tài liệu này để tiếp tục xác minh, giải quyết.

- Anh **Nguyễn Văn C** được **T** nhờ nhận tiền hộ, nhưng không biết đó là tiền do **T** chiếm đoạt của những người bị hại. Quá trình nhờ chuyển tiền **T** đã trả công cho anh **C** tổng cộng là 18.000.000 đồng. Hành vi của anh **C** là ngay thẳng, tuy nhiên số tiền trên là bất hợp pháp do vậy cần phải truy thu xung quỹ nhà nước.

* Bản cáo trạng số 66/CT-VKSND-P2 ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố **Nguyễn Thành T** về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo **Nguyễn Thành T** ban đầu thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không bị oan sai; tuy nhiên, quá trình xét hỏi bị cáo thay đổi lời khai, khai báo quanh co, bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt tiền của anh **Nguyễn Tiến X** và anh **Bùi Văn K** (là bị hại có mặt tại phiên tòa) còn những bị hại khác (vắng mặt) bị cáo không biết, không chiếm

đoạt tiền của họ. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xin xử cho bị cáo một mức hình phạt thấp nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt **Nguyễn Thành T** từ 14 năm 06 tháng đến 15 năm 06 tháng tù, về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc **Nguyễn Thành T** phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại. Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Luật sư **Phan Thị Tuyết N** trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo: Hoàn toàn nhất trí với nội dung cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật. Bị cáo khai báo như vậy là để tự bào chữa chứ không phải quanh co. Đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị. Về trách nhiệm dân sự cũng đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát. Đề nghị bị hại **Nguyễn Tiến X** tiếp tục cung cấp thông tin để Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ để góp phần giữ ổn định trật tự trên địa bàn tỉnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo cho rằng bị chủ người Trung Quốc bắt ép làm; bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt tiền của hai bị hại (có mặt tại phiên tòa) và không thừa nhận đã chiếm đoạt tiền của những bị hại khác (vắng mặt). Tuy nhiên, bị cáo cũng khẳng định lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại các bản tự khai là trung thực, hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; và cũng thừa nhận đã cùng một nhóm người sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông đưa ra thông tin không đúng để lôi kéo, dụ dỗ người khác tham gia nạp tiền vào các hoạt động chứng khoán không có thật để chiếm đoạt tiền của họ.

Xét thấy, ngay cả sau ngày được giải cứu về Việt Nam (ngày 23-9-2022) khi **T** không còn chịu sự quản lý của công ty nữa nhưng vẫn tiếp tục sử dụng tài khoản **Z “N2”** để dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của bị hại. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan điều tra thu thập; Lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; Bản tự khai; Lời khai của bị hại; Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Tháng 01/2022, **Nguyễn Thành T** xuất cảnh sang Campuchia làm việc cho nhiều công ty khác nhau. Từ tháng 8/2022 đến ngày 22/9/2022, **T** làm việc cho một công ty có chủ là người Trung Quốc với mức lương hàng tháng **T** được trả công 800 đô la Mỹ. Hoạt động của Công ty này là sử dụng mạng máy tính mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tiền của người khác thông qua việc lôi kéo, dụ dỗ những người bị hại tham gia vào đầu tư chứng khoán trên sàn giao dịch giả. Trong thời gian này, **Nguyễn Thành T** cùng với nhóm của mình đã lôi kéo được 08 bị hại tham gia đầu tư chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán giả, chiếm đoạt tổng số tiền 1.948.841.298 đồng. Cụ thể: Chiếm đoạt của anh **Nguyễn Tiến X** (sinh năm 1984, trú tại **1 đường G, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định**) số tiền 517.292.000 đồng; anh **Bùi Văn K** (sinh năm 1991, trú tại **đường T, xã V, huyện A, tỉnh Hưng Yên**) số tiền 179.000.000 đồng; chị **Nguyễn Thị Thúy H** (sinh năm 1982, trú tại **G N, Phường I, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu**) số tiền 716.637.530 đồng; anh **Lê Công T1** (sinh năm 1982, trú tại **tổ C, thương T, quận L, thành phố Hà Nội**) số tiền 399.911.768 đồng; anh **Hoàng Văn S** (sinh năm 1997, trú tại **tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc**) số tiền 10.000.000 đồng; anh **Nguyễn Ngọc A** (sinh năm 1987, trú tại **tổ dân phố N, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa**) số tiền 120.000.000 đồng; chị **Nguyễn Thị Hồng H1** (sinh năm 1993, trú tại **số nhà B, ngõ H, đường B, khối H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**) số tiền 5.000.000 đồng; anh **Đào Văn L** (sinh năm 1992, **T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ**) số tiền 1.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của **Nguyễn Thành T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực an ninh mạng, mạng viễn thông, phương tiện điện tử; xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về bảo vệ quyền sở hữu tài sản của công dân; ảnh hưởng đến uy tín của **công ty C6**, gây mất lòng tin của nhà đầu tư. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 10/01/2017 **Nguyễn Thành T** bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Làm nhục người khác” theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2017. Ngày 24/01/2018 **Nguyễn Thành T** bị xử phạt 42 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự; chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/3/2021. Như vậy, **Nguyễn Thành T** phạm tội lần này là thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội từ hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có việc làm ổn định, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của 08 bị hại làm nguồn sống chính nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo khai báo quanh co, luôn thay đổi lời khai và cho rằng bị điều tra viên dùng vũ lực; bị cáo chỉ thừa nhận chiếm đoạt tiền của hai bị hại (có mặt tại phiên tòa) và không thừa nhận đã chiếm đoạt tiền của những bị hại khác (vắng mặt). Do vậy, **Nguyễn Thành T** không được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý; lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy mới tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đồng thời cũng để cải tạo giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là lao động tự do, không có công ăn việc làm nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; tạo điều kiện cho bị cáo chấp hành nghĩa vụ dân sự theo quyết định của bản án.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa, xác định: **Nguyễn Thành T** đã lôi kéo được 08 bị hại tham gia đầu tư chứng khoán trên sàn giao dịch chứng khoán giả, chiếm đoạt của 8 bị hại tổng số tiền 1.943.841.298 đồng. Cần buộc bị cáo phải trách nhiệm trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm hưởng bất chính.

Anh **Nguyễn Văn C** được **T** nhờ nhận tiền hộ, nhưng không biết đó là tiền do **T** chiếm đoạt của những người bị hại. Quá trình nhờ chuyển tiền, **T** đã trả công cho anh **C** tổng cộng là 18.000.000 đồng. Hành vi của anh **C** là ngay thẳng, tuy nhiên số tiền trên là bất hợp pháp nên cần phải truy thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Thu giữ của **Nguyễn Thành T** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh có số IMEI 868735031905948 và 868735031939954; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu vàng. Bị cáo đã sử dụng điện thoại vào việc phạm tội nên cần tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước.

+ Thu giữ 01 chiếc điện thoại Iphone X vỏ màu trắng có IMEI 356739088877777 của **Dương Bùi Ngọc L1**. Xác định không có liên quan đến tội phạm nên cần tuyên trả lại cho **Dương Bùi Ngọc L1**.

[7] Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thành T** phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố **Nguyễn Thành T** phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”

2. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 290; các điểm b, g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt **Nguyễn Thành T** 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05-01-2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Buộc bị cáo **Nguyễn Thành T** phải có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

- Anh **Nguyễn Tiến X** số tiền 517.292.000 đồng;
- Anh **Bùi Văn K** số tiền 179.000.000 đồng;
- Chị **Nguyễn Thị Thúy Hằng s** tiền 716.637.530 đồng;
- Anh **Lê Công T1** số tiền 399.911.768 đồng;
- Anh **Hoàng Văn S** 10.000.000 đồng;
- Anh **Nguyễn Ngọc A** số tiền 120.000.000 đồng;
- Chị **Nguyễn Thị Hồng H1** số tiền 5.000.000 đồng;
- Anh **Đào Văn L** số tiền 1.000.000 đồng;
- **T7** truy thu từ **Nguyễn Văn C** số tiền 18.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố

tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu hoá giá sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Huawei màu xanh có số IMEI 868735031905948 và 868735031939954; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu vàng;

- Tuyên trả lại cho chị **D Bùi Ngọc L1** 01 chiếc điện thoại Iphone X vỏ màu trắng có IMEI 356739088877777

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao, nhận tài sản thi hành án số 24/94 ngày 19-9-2024 giữa phòng PC02 - **Công an tỉnh N** với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

5. Về án phí: Bị cáo **Nguyễn Thành T** phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự: Bị cáo **Nguyễn Thành T** phải nộp 70.465.238 đồng (Bảy mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Báo bị cáo (Bị hại có mặt) **Nguyễn Thành T** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Minh Hồng